

Motion

Minh Viet



Công ty Cổ phần Minh Việt

177 Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 0101040432



HANDOUK
Electronics Co. Ltd

Minh Viet



TOYO



**MITSUBISHI
ELECTRIC**

MAX

EWELLIX

MAKERS IN MOTION



FORTRESS

JiNH

FOURTEC



IDEC Autonics

Nhà phân phối và đại lý cung cấp các thiết bị và phụ kiện ngành điện, tự động hóa công nghiệp từ tháng 7 năm 2000, các sản phẩm.

- IDEC: nút ấn, đèn báo, rơle, timer, PLC, màn hình ... (trang 187 - 197)
- AUTONICS: các loại cảm biến, bộ điều khiển nhiệt độ, bộ đếm, bộ mã hoá vòng quay, bộ định giờ ... (trang 151 - 186)
- MAX: máy in đầu cốt dây điện, ống lồng và các phụ kiện ... (trang 198 - 210)
- MITSUBISHI: thiết bị đóng cắt, PLC, biến tần, màn hình ...
- EWELLIX: Xi lanh điện, trục vít me, thanh dẫn hướng, vòng bi (trang 108 -124)
- TOYO: Xi lanh điện tốc độ cao, robot XYZ, AGV... (trang 125 - 148)
- HANDOUK: rơle, socket ... (trang 214 - 232)
- JINGHONG: các phụ kiện tủ bảng như đầu cốt, cầu đấu, thanh ray ...
- FOURTEC: Data logger nhiệt độ, độ ẩm, FDA, HACCP, ISO, EN. (trang 90 - 105)
- Fortress Safety: Khóa liên động Interlock devices & system. (trang 53 - 89)
- Máy hàn siêu âm kim loại Schunk: Hàn đầu dây, đầu kết nối (trang 233 - 252)

Rất hân hạnh được hợp tác và phục vụ quý khách!

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix

Ewellix – 50 năm giá trị toàn cầu. Bắt nguồn từ Tập đoàn SKF. Tháng 12 năm 2018 Triton chính thức sở hữu Ewellix. Hãng tiếp tục giữ trọng tâm phát triển giải pháp **truyền động tuyến tính – Linear Motion**.



Hãng có tám nhà máy và khoảng 1200 nhân viên. Trụ sở chính tại Gothenburg, Thụy Điển.

wellix – 50 năm giá trị toàn cầu. Bắt nguồn từ Tập đoàn SKF. Đến tháng 12 năm 2018 Triton đã chính thức sở hữu Ewellix. Hãng tiếp tục giữ trọng tâm phát triển giải pháp và **sản phẩm truyền động tuyến tính – Linear Motion**.

Hãng có tám nhà máy và khoảng 1200 nhân viên. Trụ sở chính tại Gothenburg, Thụy Điển.

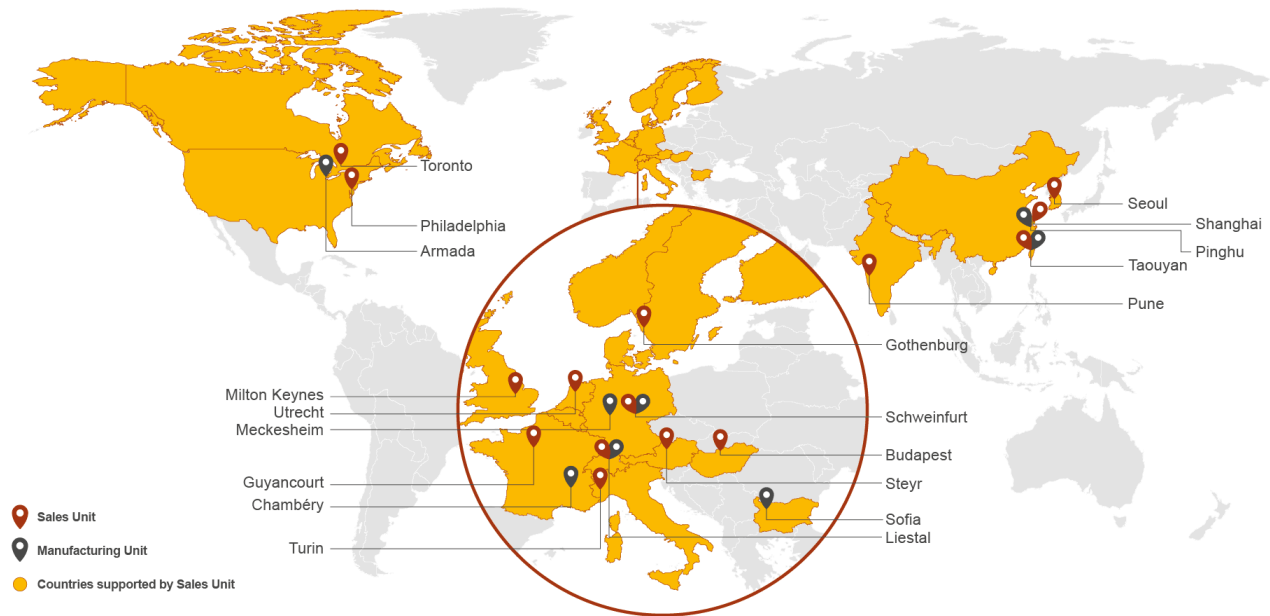
50 năm kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng trong truyền động tuyến tính. Nó giúp Ewellix có thể đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất. Với phạm vi và mức độ sử dụng rộng nhất. Trên các thị trường thiết bị truyền động tuyến tính, thiết bị điều khiển và thiết bị vận hành. Ewellix là đối tác lực chọn uy tín trong nhiều ngành công nghiệp.

Bộ truyền động tuyến tính hoạt động bằng điện tạo ra chuyển động ổn định, chính xác với vô số ứng dụng. Thiết bị truyền động tuyến tính luôn là sản phẩm quan trọng trong các cơ cấu hoặc thiết bị cần chuyển động tuyến tính.

Ewellix cung cấp nhiều loại thiết bị truyền động. Và các bộ phận điều khiển và phụ kiện đi kèm. Hãng chuyên về các thiết bị nhỏ gọn, chất lượng cao. Phù hợp với nhiều ứng dụng ngành khác nhau. Có sẵn một loạt các dải hành trình, cũng như các bộ truyền động có thể chịu tải từ trung bình đến cao.

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix



Từ sản phẩm đơn lẻ đến giải pháp đều được thiết kế đáp ứng được các yêu cầu sử dụng ngày càng khắt khe của các ngành công nghiệp. Tích hợp các loại cảm biến thúc đẩy Big Data. Nó giúp tối ưu chi phí hoạt động của nhà máy và thân thiện hơn với môi trường.



Xi lanh điện tải lớn



Xi lanh điện hiệu suất cao



Xi lanh điện trượt slide



7th Axis Robot



Cột nâng hạ



Vít me bi Ball screw



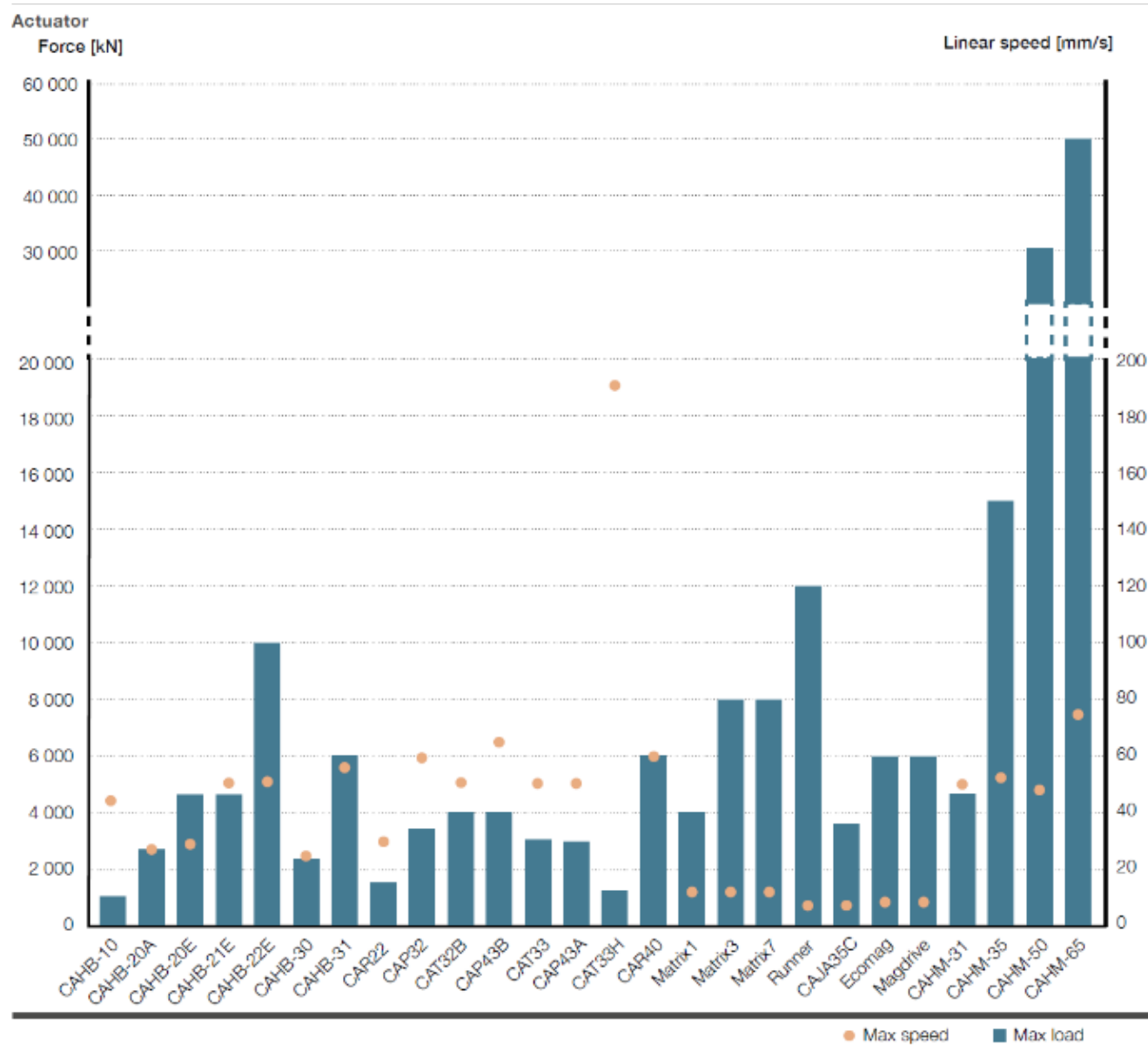
Trục vít con lăn Roller screw



Thanh trượt dẫn hướng Rail Guide

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix



THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix

Xi lanh điện tải lớn

là dòng xi lanh điện có khả năng đáp ứng các yêu cầu có tải trọng lớn (lên đến 12000N). Với cấu trúc vòng chặn kết hợp seal kín khít, khả năng chống bụi và chống nước đạt đến IP 66/69K. Ứng dụng đa dạng trong máy móc cỡ lớn trong sản xuất nông nghiệp, khai khoáng (series CAHB). Một số series khác được sử dụng trong các thiết bị y tế như series Runner, Matrix, Ecomag.



THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix

Bảng thông số kỹ thuật các loại Xi lanh điện tải lớn

Series	Lực đẩy	Lực kéo	Tốc độ (có tải)	Tốc độ (không tải)	Hành trình
CAHB-10	up to 1500 N	up to 1500 N	up to 45 mm/s	up to 56 mm/s	Up to 300 mm
CAHB-20A	up to 2500 N	up to 2500 N	up to 27 mm/s	up to 33 mm/s	Up to 610 mm
CAHB-20E/S	up to 4500 N	up to 4500 N	up to 27 mm/s	up to 29 mm/s	Up to 700 mm
CAHB-21E/S	up to 4500 N	up to 4500 N	up to 46 mm/s	up to 52.5 mm/s	Up to 700 mm
CAHB-22E/S	up to 10000 N	up to 10000 N	up to 48 mm/s	up to 55 mm/s	Up to 700 mm
CAHB-30A/S	up to 2300 N	up to 2300 N	up to 25 mm/s	up to 26 mm/s	Up to 610 mm
CAHB-31N	up to 6000 N	up to 6000 N	up to 48 mm/s	up to 30 mm/s	Up to 610 mm
CAR 22	up to 1500 N	up to 1500 N	10 – 60 mm/s	up to 60 mm/s	Up to 300 mm
CAT 32	up to 3500 N	up to 3500 N	5 – 60 mm/s	up to 60 mm/s	Up to 700 mm
CAT 32B	up to 4000 N	up to 4000 N	5 – 52 mm/s	up to 52 mm/s	Up to 700 mm
CAP43B	up to 4000 N	up to 4000 N	5 – 65 mm/s	up to 65 mm/s	Up to 700 mm
CAT 33	up to 3000 N	up to 3000 N	5 – 52 mm/s	up to 52 mm/s	Up to 400 mm
CAP 43A	up to 3000 N	up to 3000 N	5 – 52 mm/s	up to 52 mm/s	Up to 400 mm
CAT 33H	up to 1200 N	up to 1200 N	up to 193 mm/s	up to 193 mm/s	Up to 400 mm
CAR 40	up to 6000 N	up to 6000 N	up to 60 mm/s	up to 60 mm/s	Up to 700 mm
CAWD	up to 500 N	up to 500 N	up to 16 mm/s	up to 16 mm/s	Up to 430 mm
Ecomag – ECO	up to 6000 N	up to 6000 N	up to 9 mm/s	up to 13 mm/s	Up to 300 mm
CAJA 35C	up to 3500 N	up to 3500 N	up to 5.5 mm/s	up to 8.5 mm/s	Up to 250 mm
Runner – RU	up to 12000 N	up to 8000 N	up to 5 mm/s	up to 15 mm/s	Up to 500 mm
Matrix – MAX	up to 4000 N	up to 4000 N	up to 13 mm/s	up to 18 mm/s	Up to 700 mm

(1) Tại điều kiện làm việc liên tục

(2) Các thông số chỉ mang tính chất tham khảo. Tra cứu Catalog để kiểm tra chi

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix

Xi lanh điện hiệu suất cao là loại xi lanh điện có khả năng hoạt động tục. Hiệu suất hoạt động hay là duty cycle từ 70 – 100%. Tốc độ di chuyển dọc trục lên đến 1111 m/s với gia tốc cực đại 38.2 m/s². Loại xi lanh này thích hợp với các ứng dụng đòi hỏi tốc độ nhanh, tải trọng lớn và cường độ hoạt động cao. Lực đẩy lớn nhất có thể lên đến 500000N ~ 50 tấn (Series SRSA).



CASM-25



CASM-32



CASM-40



CASM-63



CASM-100



LEMC



CEMC



SEMC



CPSM



SRSA



SVSA

Bảng thông số kỹ thuật các loại Xi lanh điện hiệu suất cao

Series	Lực tĩnh	Lực động	Chịu tải động	Tốc độ tối đa	Gia tốc tối đa	Hiệu suất hoạt động (%)
CASM-25	up to 2600 N	up to 300 N	up to 2042 N	Up to 125 mm/s	up to 4 m/s ²	Up to 80
CASM-32	up to 700 N	up to 700 N	up to 2800 N	Up to 500 mm/s	up to 6 m/s ²	Up to 100
CASM-40	up to 2375 N	up to 2375 N	up to 6000 N	Up to 826 mm/s	up to 6 m/s ²	Up to 86
CASM-63	up to 5400 N	up to 5400 N	up to 13700 N	Up to 1067 mm/s	up to 6 m/s ²	Up to 100
CASM-100	up to 82000 N	up to 82000 N	up to 106000 N	Up to 500 mm/s	up to 12 m/s ²	> 85
LEMC 21	up to 40000 N	up to 40000 N	up to 54300 N	Up to 1000 mm/s	up to 12 m/s ²	Up to 76
LEMC 30	up to 80000 N	up to 80000 N	up to 122000 N	Up to 880 mm/s	up to 12 m/s ²	Up to 79
CEMC	up to 10400 N	up to 25000 N	up to 59000 N	Up to 300 mm/s	up to 7 m/s ²	Up to 100
SEMC	up to 10000 N	up to 10000 N	up to 27400 N	Up to 600 mm/s	up to 9.5 m/s ²	Up to 80
SRSA	up to 500000 N	up to 450000 N	up to 572000 N	Up to 1111 mm/s	up to 38.2 m/s ²	Up to 100
SVSA	up to 90200 N	up to 74600 N	up to 176000 N	Up to 10 mm/s	up to 0.6 m/s ²	Up to 100
CPSM	up to 5000 N	up to 5000 N	up to 21000 N	Up to 100 mm/s	up to 6 m/s ²	Up to 100

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix

Xi lanh điện trượt – Slide type



XI LANH ĐIỆN TRƯỢT CLSM-150

Speed	up to 4 m/s
Accuracy	up to ± 0.01
Max stroke (mm)	max. 4 000 mm
Operating temperature	0 °C to +50 °C
Guiding element	Profile rail guides
Dimensions	from 150 x 65 mm to 150 mm x 90 mm
Driving element	Ball screw or linear motor or belt

XI LANH ĐIỆN TRƯỢT CLSM-92

Liên hệ

Speed	up to 0,3 m/s
Accuracy	up to ± 0.01
Max stroke (mm)	max. 800 mm
Operating temperature	0 °C to +50 °C
Guiding element	Profile rail guides
Dimensions	92 x 60 mm
Driving element	Ball screw or lead screw

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix

Cột nâng hạ (hay còn gọi là telescopic pillars). Giải pháp thông minh để thực hiện chức năng nâng hạ trong các thiết bị công nghiệp. Nó hoạt động êm ái, mạnh mẽ và bền bỉ. Đồng thời có thiết kế hấp dẫn và đáp ứng những yêu cầu khắt khe nhất.

Các mô-đun cột nâng hạ được cung cấp riêng lẻ. Ewellix cũng cung cấp hệ thống nâng LIFTKIT. Nó ứng dụng cho rô bốt 7 trục.

Ewellix cung cấp nhiều loại cột nâng khác nhau, các bộ điều khiển và công tắc vận hành khác nhau. Đảm bảo đáp ứng linh hoạt các yêu cầu trong công nghiệp, y tế và dân dụng.



THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix



CPMA

Push load up to 2 kN
Dynamic offset load up to 250 Nm
Max. linear speed up to 15 mm/s
Built-in universal power supply with soft start and stop control



CPMB

Push load up to 2 kN
Dynamic offset load up to 250 Nm
Max. linear speed up to 15 mm/s
Built-in universal power supply with soft start and stop control



CPMT

Push load up to 6 kN
Dynamic offset load up to 1400 Nm
Max. linear speed up to 34 mm/s
Low retracted height and high stroke range



CPSM

Max dynamic force 5 kN
Max linear speed 100 mm/s
High stiffness and high eccentric load
Optional brake and dampening system



FRE

Guiding aluminum tube system
2 or 3 sections available
7 square sections available
Universal hollow guiding system



TFG

Push and pull load up to 2,5 kN
Dynamic offset load up to 500 Nm
Max. linear speed up to 15 mm/s
Pull load capacity with fast movement



THG

Push load up to 2 kN
Dynamic offset load up to 1 000 Nm
Max. linear speed up to 15 mm/s
Slim and compact design



TLC

Push and pull load up to 4 kN
Dynamic offset load up to 2100 Nm
Max. linear speed up to 11 mm/s
Plug and play AC version



TLG

Push load up to 4 kN
Dynamic offset load up to 2800 Nm
Max. linear speed up to 10 mm/s
Rigid and stable, 2 or 3 sections



TLT

Push load up to 4 kN
Dynamic offset load up to 1 000 Nm
Max. linear speed up to 25 mm/s
Very small built-in size



TXG

Push load up to 1,5 kN
Dynamic offset load up to 210 Nm
Max. linear speed up to 17 mm/s
Aesthetic design with rounded shape

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix

Liftkit



Lực đẩy	1500 N
Lực kéo	0
Hành trình tối đa	500 to 900 mm
Nhiệt độ vận hành	10 to +40 °C
Cấp bảo vệ IP	IP 40
Tốc độ tối đa	80 mm/s
Hiệu suất hoạt động	10 %

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix

Slidekit



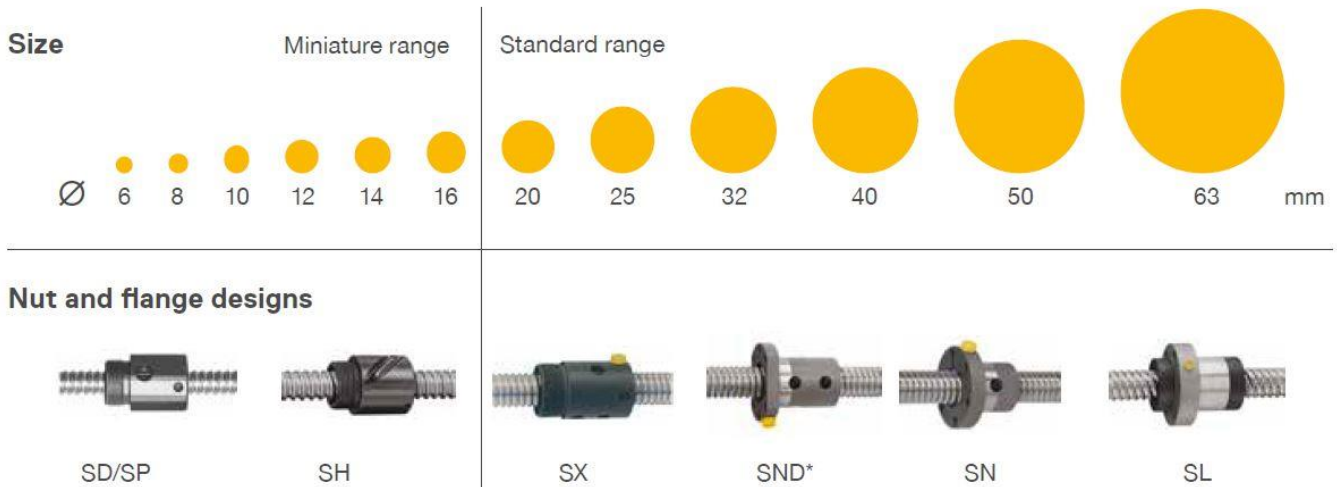
	SLIDEKIT-UR	SLIDEKIT-UR-BELT
Độ chính xác	$\pm 0,01$	$\pm 0,08$
Tải trọng động tối đa (N)	10900	10900
Hành trình tối đa (mm)	100 – 1800	100 – 3000
Nhiệt độ môi trường hoạt động	0 đến +50 °C	0 đến +50 °C
Tốc độ tối đa (mm/s)	1000	1000
Loại dẫn động	Vít me bi	Dây đai
Hiệu suất hoạt động (%)	100	100

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix

Trục vít me bi | Vít me bi Ewellix được sử dụng rộng rãi trong nhiều ứng dụng khác nhau, yêu cầu độ chính xác cao, hiệu quả và tuổi thọ lâu dài. Chúng tôi cung cấp nhiều loại vít và kích thước đai ốc để phù hợp với hầu hết các nhu cầu của Khách hàng.

Ewellix broad range overview



Trục vít me bi Ball Screws	Đường kính trục	Lead	Chiều dài tối đa	Cấp chính xác
SD/BD/SH miniature screws	6 – 16 mm	2 – 12.7 mm	2 mét	–
SDS/BDS/SHS miniature screws in stainless steel	6 – 16 mm	2 – 5 mm	2 mét	G7 & G9
SP/BP high-performance miniature screws	8 – 16 mm	2 – 5 mm	2 mét	G7 & G9
SX/BX universal screws	20 – 63 mm	5 – 40 mm	5.7 mét	–
SND/BND precision screws, DIN standard 69051	16 – 63 mm	5 – 10 mm	5.7 mét	G5, G7 & G9
PND preloaded screws, DIN standard 69051	16 – 63 mm	5 – 10 mm	5.7 mét	G5, G7 & G9
SN/BN precision screws	16 – 63 mm	5 – 10 mm	5.7 mét	G5, G7 & G9
PN preloaded screws	16 – 63 mm	5 – 10 mm	5.7 mét	G5, G7 & G9
SL/TL long lead screws	25 – 50 mm	20 – 50 mm	5.7 mét	–

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix

Trục vít con lăn hành tinh Roller screw chính Hãng Ewellix Thụy Điển. Giải pháp truyền động hiệu suất cao. Nhiều loại ngành công nghiệp dựa vào trục vít con lăn Ewellix cho các yêu cầu truyền động của khách hàng.

Công nghệ chế tạo trục vít con lăn hành tinh.

Ewellix là công ty tiên phong trong công nghệ trục vít con lăn và cung cấp chất lượng cao, hiệu suất cao và nhiều chủng loại nhất của trục vít con lăn hiện có trên thị trường.

Quy trình sản xuất tích hợp cao trong nhà của Ewellix sử dụng công nghệ gia công mới nhất bao gồm xử lý độ cứng, xử lý nhiệt (cảm ứng và xuyên qua), mài và lắp ráp. Ewellix cung cấp các biến thể đặc biệt với thép không gỉ và thép nhiệt độ cao kết hợp với lớp phủ, v.v. để đáp ứng cho các ứng dụng khắc khe nhất.

Các loại trục vít con lăn hành tinh Ewellix



Planetary roller screws SR

- Wide assortment of diameters and leads for numerous applications
- Reliable driving solution with high loads and speeds capabilities



Ultra Power planetary roller screws HR

- Extreme load carrying capacity
- Robustness and long service life for highly demanding applications



Inverted planetary roller screws ISR

- All the features and benefits of the planetary roller screw design
- Plus small leads, high load carrying capacity within a compact design



Rotating nut planetary roller screws SRR

- Operation similar to electro-mechanical cylinders
- Compact, integrated support bearing and roller screw nut functions



Zero lead roller screws

- Thrust bearing solution for special applications
- High thrust carrying capacity with compactness



Recirculating roller screws SV

- Small leads associated with high load carrying capacity
- Fine resolution and stiffness for ultra precision applications

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix

Trục vít con lăn hành tinh, không tuần hoàn con lăn

Ewellix cung cấp ba biến thể chính của vít con lăn hành tinh, không tuần hoàn con lăn:

- Series SR truyền thống với các con lăn ren được đồng bộ hóa đối với đai ốc, nhờ vào góc xoắn giống nhau cho con lăn và đai ốc.
- Series HR Ultra Power tăng cường khả năng so với Series SR.
- Series con lăn đảo ngược ISR với con lăn ren được đồng bộ hóa với trục vít, nhờ góc xoắn giống hệt nhau cho các con lăn và trục.

Trục vít con lăn hành tinh, tuần hoàn con lăn

Ewellix cung cấp nhiều loại con lăn tuần hoàn. Vì các con lăn được tạo rãnh theo chu vi, sau mỗi vòng quay hoàn chỉnh xung quanh đai ốc, các con lăn có rãnh phải được tuần hoàn trở lại điểm xuất phát của nó ở một bên của đai ốc, với sự trợ giúp của cam và rãnh trục bên trong. Tính năng này cung cấp sự kết hợp lý tưởng nước ren nhỏ, khả năng chịu tải cao, độ cứng và độ chính xác cao. Tuy nhiên, vít con lăn tuần hoàn có mặt thấp hơn tốc độ và khả năng tăng tốc hơn con lăn hành tinh.

Trục vít con lăn hành tinh Roller Screws	Đường kính trục	Lead	Chiều dài tối đa	Cấp chính xác
SRC/BRC planetary roller screws with cylindrical nut	8 – 30 mm	2 – 20 mm	2 mét	G1, G3, G5
SRC/BRC planetary roller screws with cylindrical nut	36 – 56 mm	6 – 30 mm	4 mét	G1, G3, G5
SRC/BRC planetary roller screws with cylindrical nut	60 – 120 mm	10 – 42 mm	8 mét	G1, G3, G5
SRF/BRF/SRP/BRP planetary roller screws with flanged nut	8 – 30 mm	4 – 20 mm	2 mét	G1, G3, G5
SRF/BRF/SRP/BRP planetary roller screws with flanged nut	36 – 56 mm	6 – 36 mm	4 mét	G1, G3, G5
SRF/BRF/SRP/BRP planetary roller screws with flanged nut	60 – 120 mm	10 – 42 mm	8 mét	G1, G3, G5
PRU preloaded planetary roller screws with cylindrical nut	8 – 30 mm	2 – 20 mm	1.6 mét	G1, G3, G5
PRU preloaded planetary roller screws with cylindrical nut	36 – 56 mm	6 – 36 mm	3.1 mét	G1, G3, G5

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix

Trục vít con lăn hành tinh Roller Screws	Đường kính trục	Lead	Chiều dài tối đa	Cấp chính xác
PRU preloaded planetary roller screws with cylindrical nut	60 – 64 mm	10 – 36 mm	3.65 mét	G1, G3, G5
PRK preloaded planetary roller screws with flanged nut	8 – 36 mm	4 – 24 mm	1.9 mét	G1, G3, G5
PRK preloaded planetary roller screws with flanged nut	39 – 64 mm	5 – 36 mm	3.65 mét	G1, G3, G5
HRC Ultra Power planetary roller screws with cylindrical nut	60 – 120 mm	15 – 40 mm	8 mét	G1, G3, G5
HRC Ultra Power planetary roller screws with cylindrical nut	135 – 240 mm	15 – 50 mm	8 mét	G1, G3, G5
HRF/HRP Ultra Power planetary roller screws with flanged nut	60 – 120 mm	15 – 40 mm	8 mét	G1, G3, G5
HRF/HRP Ultra Power planetary roller screws with flanged nut	135 – 240 mm	15 – 50 mm	8 mét	G1, G3, G5
ISR inverted roller screws	18 – 48 mm			G1, G3, G5
SRR/BRR planetary roller screws with rotating nut	25 – 60 mm	5 – 25 mm	4.25 mét	G1, G3, G5

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix

Thanh Trượt Dẫn Hướng Rail Guide

Thanh trượt dẫn hướng tuyến tính Rail guide cung cấp chức năng dẫn hướng chính xác để định vị tải kết hợp với các yếu tố dẫn động chuyển động thẳng, như bộ truyền động hoặc vít me.

Các sản phẩm bao gồm thanh dẫn đường ray chính xác, tất cả các loại thanh dẫn đường ray cấu hình và ổ bi tuyến tính với trục chính xác.

Từ một vài micron hành trình cho đến vài mét chuyển động, gần như mọi ứng dụng chuyển động chính xác đều có thể thực hiện được trong môi trường công nghiệp hoặc văn phòng. Các tiêu chuẩn sản phẩm cao đảm bảo các thành phần chất lượng cao ngay cả đối với các ứng dụng có yêu cầu phát ra tiếng ồn thấp nhất hoặc ma sát thấp nhất. Ewellix cung cấp các giải pháp với các dẫn hướng tuyến tính được tích hợp hoặc tùy chỉnh phù hợp mọi yêu cầu quý khách hàng.

Thanh trượt dẫn hướng profile rail guide

Những lợi ích:

Hệ thống dẫn hướng tuyến tính chính xác và dễ lắp ráp. Tuổi thọ lâu dài ngay cả khi tải nặng hoặc ở khoảng cách xa.

Thiết kế nhỏ gọn với khả năng chịu tải cao, cứng và chính xác.

Đặc trưng:

Nhiều kích thước và kiểu dáng bao gồm cả phụ kiện Khả năng chịu tải cao Thanh ray định hình Ewellix (tuyến tính) là các ổ bi lăn chính xác được sử dụng cho một loạt các chuyển động tuyến tính. Chúng bao gồm đường ray và thanh dẫn hướng (khối) với các bộ phận lăn quay tích hợp. Cơ cấu này cung cấp chuyển động hầu như không giới hạn. Các thanh ray có sẵn với nhiều kiểu dáng và kích thước và phù hợp cho tất cả các chuyển động tuyến tính. Tất cả các thanh dẫn đường ray cấu hình từ Ewellix đều có thiết kế mô-đun.

Thanh dẫn hướng chính xác Precision rail guide

Những lợi ích:

Hệ thống có hướng dẫn với độ chính xác lặp lại cao.

Dễ dàng điều chỉnh chiều dài thanh ray, chiều dài lồng và vật liệu.

Độ tin cậy hoạt động cao và giảm thời gian ngừng hoạt động.

Đặc trưng:

Thanh dẫn hướng chính xác cao nhất.

Thiết kế dạng mô-đun

Độ căng và độ cứng linh hoạt

Hệ thống dẫn hướng chống rảo cho tất cả các loại thanh ray chính xác.

Thanh ray dẫn hướng chính xác của Ewellix đảm bảo chuyển động tuyến tính có độ chính xác cao. Là sự lựa chọn lý tưởng cho một loạt các ứng dụng công nghiệp và y tế. Chúng được cung cấp với nhiều kiểu dáng, kích thước và chiều dài. Với sự lựa chọn của bi, con lăn, con lăn kim hoặc lớp phủ trượt.

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Ewellix



Miniature Profile Rail Guides – LLM

Speed: up to 3 m/s max
Acceleration: up to 80 m/s² max (preloaded system)
Accuracy: 2 accuracy classes (P5, P1) 11.
Stiffness:
3 standard preload classes (T0, T1, T2)



Miniature Profile Rail Guides – LLZM

Standard range Four sizes: 7, 9, 12 and 15
Optional range Wide versions for 9, 12 and 15
Operating temperature –20 up to +80 °C
Max. speed 3 m/s
Max. acceleration 80 m/s² (for preloaded LZMs)



Miniature Profile Rail Guides – LLS

Safe and robust innovative ball retention
Up to 20 000 km of service life
Silent and smooth precise motion
Stainless steel material
Speeds up to 5 m/s and accelerations up to 140 m/s²



Profile Rail Guides – LLR

Carriages with and without ball chain
High load capacities in all main directions and high moment load capacities
High dynamic performances: $v = 5 \text{ m/s}$; $a_{\text{max}} = 500 \text{ m/s}^2$
Low noise and smooth, light running



Profile Rail Guides – LLT

Improved running performance
Modular concept for customized solutions
Rigidity, strength and precision for improved production processes
Longer service life and reduced maintenance



Profile Rail Guides – LWR

Ball assemblies of LWRB series.
Ball assemblies with Anti-Creeping System of LWRBACSM series.
Crossed roller assemblies of standard LWR series.
Crossed roller assemblies of optimized

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Toyo

Xi lanh điện TOYO tiên phong của công nghiệp 4.0 và FA solution. TOYO Automation Co., Ltd. thành lập năm 2000. TOYO có hơn 20 năm kinh nghiệm chuyên về sự phát triển actuator và robot. Những năm qua, TOYO đã tham gia đầu tư nguồn lực cho các giới công nghiệp. Nhằm kết nối với nhiệm vụ tham vọng của ngành công nghiệp 4.0.

Các sản phẩm chuyển động tuyến tính của TOYO

Single-axis Linear Actuator



1

Single-axis Robots



2

Cartesian Robots



3

Desktop Robots



4

SCARA Robots



5

AGV Automatic Guided Vehicles



6

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Toyo

Công ty TOYO Automation Co., Ltd. có quy trình sản xuất đầy đủ, bao gồm module truyền động tuyến tính, xi lanh điện, robot XYZ, AGV... TOYO đã phát triển rất nhiều sản phẩm cốt lõi trong các thiết bị tự động hóa. Quan trọng hơn, TOYO đã làm chủ quá trình nghiên cứu và phát triển của các thành phần cốt lõi trong 2 thập kỷ vừa qua. Và nó có thể giảm chi phí sản xuất, cũng như đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với nhiều ứng dụng.

Các dòng sản phẩm Xi lanh điện TOYO

Xi lanh điện motorless GTH Series

Integrated Linear Bearings Ball Screw Actuator. Xi lanh điện loại trục vít me, dạng trượt slice type, không tích hợp sẵn động cơ. Dòng “G” là dòng tích hợp sẵn dẫn hướng.



Xi lanh điện motorless GTY Series

Rod Type Integrated Linear Bearings Ball Screw Actuator. Xi lanh điện loại trục vít me, dạng trục đẩy ROD type, không tích hợp sẵn động cơ. Dòng “G” là dòng tích hợp sẵn dẫn hướng.



Xi lanh điện ETH Series

Standard Ball Screw Actuator. Xi lanh điện loại trục vít me, dạng trượt slide type, không tích hợp sẵn động cơ.



Xi lanh điện ETB Series

Standard Belt Actuator. Xi lanh điện loại dây đai Belt driver, dạng trượt slice type, không tích hợp sẵn động cơ.



THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Toyo

Xi lanh điện Y Series

Rod Type Actuator. Xi lanh điện loại trục vít me, dạng trục đẩy ROD type, không tích hợp sẵn động cơ.



Xi lanh điện servo DGTH Series

DGTH Built-in Linear Motion Guide Servo Cylinder-Rod Type. Xi lanh điện trục vít me, loại trượt slide type. Dòng “G” là dòng tích hợp sẵn dẫn hướng. Tham khảo VIDEO về G series của TOYO.



Xi lanh điện servo DGTY Series

DGTY Built-in Linear Motion Guide Servo Cylinder-Rod Type. Xi lanh điện trục vít me, loại trục đẩy ROD type. Dòng “G” là dòng tích hợp sẵn dẫn hướng.



Xi lanh điện Servo CGTH Series

CGTH Built-in Linear Motion Guide Servo Cylinder-Rod Type. Xi lanh điện trục vít me, loại trượt slide type. Dòng “G” là dòng tích hợp sẵn dẫn hướng.



THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Toyo

Xi lanh điện Servo CGTY Series

DGTY Built-in Linear Motion Guide Servo Cylinder-Rod Type. Xi lanh điện trực vít me, loại trực đẩy ROD type.



Cánh tay robot XYZ

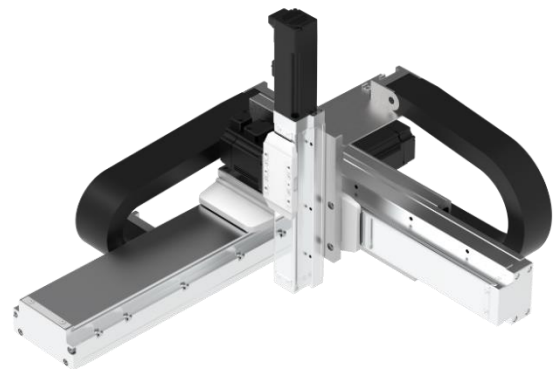
Cánh tay robot trực giao tích hợp trong đường ray



Cánh tay robot để bàn



Cánh tay robot độ cứng cao XYZ



Xe tự hành AGV



Tay kẹp điện – Gripper



THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Toyo

Series	Công suất động cơ tham chiếu	Độ rộng ngang (mm)	Repeatability(mm)	Ball Screw C7		Maximum Payload(kg)		*1 Tốc độ tối đa (mm/s)	*2 Hành trình tối đa (mm)
				Outer Diameter(mm)	Lead(mm)	Horizontal	Vertical		
GTH4	50W	44	±0.005	10	2	25	8	100	800
	100W				6	20	5	300	
					12	12	2	600	
					2	25	8	100	
					6	20	8	300	
					12	12	3.5	600	
GTH5	100W	54	±0.005	12	2	30	10	100	
					5	30	10	250	
					10	15	5	500	
					20	10	2.5	1000	
GTH8	200W	82	±0.005	16	5	50	15	250	1100
	400W				10	30	8	500	
					20	18	3	1000	
GTH12	400W	120	±0.005	16	5	110	33	250	1250
					10	88	22	500	
					20	40	10	1000	
					32	30	8	1600	

*1: Tốc độ tối đa (mm / s) dựa trên tốc độ tối đa của động cơ servo là 3000RPM.

*2: Đây là tốc độ an toàn tối đa tùy thuộc vào vị trí hành trình. Nếu vượt quá tốc độ này, có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của xi lanh. Tham khảo thêm trong Catalog

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Toyo

Series	Công suất động cơ tham chiếu	Độ rộng ngang (mm)	Repeatability(mm)	Ball Screw C7		Maximum Payload(kg)		*1 Tốc độ tối đa (mm/s)	Hành trình tối đa (mm)
				Outer Diameter(mm)	Lead(mm)	Horizontal	Vertical		
GT4	50W	44	±0.01	10	2	25	8	100	500
					6	20	5	300	
	100W				12	12	2	600	
GT5	100W	54	±0.01	12	2	30	10	100	600
					5	30	10	250	
					10	15	5	500	
					20	10	2.5	1000	
GT8	200W	82	±0.01	16	5	50	15	250	800
					10	30	8	500	
	400W				20	18	3	1000	
GT12	400W	120	±0.01	16	5	110	33	250	
					10	88	22	500	
					20	40	10	1000	
					32	30	8	1600	

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Toyo

Series	Công suất động cơ tham chiếu	Độ rộng ngang (mm)	Repeatability(mm)	Ball Screw C7		Maximum Payload(kg)		*1 Tốc độ tối đa (mm/s)	Hành trình tối đa (mm)
				Outer Diameter(mm)	Lead(mm)	Horizontal	Vertical		
ETH13	200W	135	±0.005	16	5	70	17	250	1050
					10	47	12	500	
					20	24	6	1000	
					32	13	–	1600	
	400W	135	±0.005	16	5	70	17	250	
					10	47	12	500	
					20	24	6	1000	
					32	13	–	1600	
ETH14	200W	135	±0.005	16	5	95	27	250	1050
					10	75	18	500	
					20	35	7	1000	
					32	15	–	1600	
	400W	135	±0.005	16	5	110	33	250	
					10	88	22	500	
					20	40	10	1000	
					32	30	8	1600	
ETH17	400W	170	±0.005	20	5	120	40	250	1250
					10	110	30	500	
					20	75	14	1000	
					40	22	7	2000	
	750W	170	±0.005	20	5	120	50	250	
					10	120	40	500	
					20	83	25	1000	
					40	43	12	2000	
ETH22	750W	220	±0.005	25	5	150	55	250	1500
				25	10	150	45	500	
				25	25	105	20	1250	
				20	40	43	12	2000	

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

Toyo

Series	Bộ giảm tốc	Công suất động cơ tham chiếu	Độ rộng ngang (mm)	Repeatability(mm)	Belt Spec		Maximum Payload(kg)		*1 Tốc độ tối đa (mm/s)	Hành trình tối đa (mm)
					Belt Width(mm)	Lead(mm)	Horizontal	Vertical		
ETB5	Không	42M (Stepping Motor)	50	±0.04	9	32	10	—	267	800
		100W	40			3	—	2000		
ETB6		57M (Stepping Motor)	65		12	40	15	—	333	
		100W				40	3	—	2000	
ETB10	Có	100W	102		15	32	10	—	1600	2550
ETB14M		200W	135		22	40	25	—	2000	3050
ETB17M		400W	170		30	40	45	—	2000	3050
ETB22M		750W	220		50	40	85	—	2000	3500

Series	Công suất động cơ tham chiếu (W)	Độ rộng ngang (mm)	Repeatability(mm)	Ball Screw C7		Maximum Payload(kg)		*1 Tốc độ tối đa (mm/s)	Hành trình tối đa (mm)
				Outer Diameter(mm)	Lead(mm)	Horizontal	Vertical		
DGTH4	40	44	±0.01	10	2	25	8	100	800
					6	20	5	300	
					12	12	2	600	
DGTH5	40	54	±0.01	12	2	30	10	100	800
					5	30	8.1	250	
					10	15	2.7	500	
					20	10	1.4	1000	

*1 Tham khảo Catalog

Series	Công suất động cơ tham chiếu (W)	Độ rộng ngang (mm)	Repeatability(mm)	Ball Screw C7		Maximum Payload(kg)		*1 Tốc độ tối đa (mm/s)	Hành trình tối đa (mm)
				Outer Diameter(mm)	Lead(mm)	Horizontal	Vertical		
DGT4	40	44	±0.01	10	2	25	8	100	500
					6	20	5	300	
					12	12	2	600	
DGT5	40	54	±0.01	12	2	30	10	100	600
					5	30	8.1	250	
					10	15	2.7	500	
					20	10	1.4	1000	

*1 Tham khảo Catalog

THIẾT BỊ TRUYỀN ĐỘNG TUYẾN TÍNH – MOTION & CONTROL

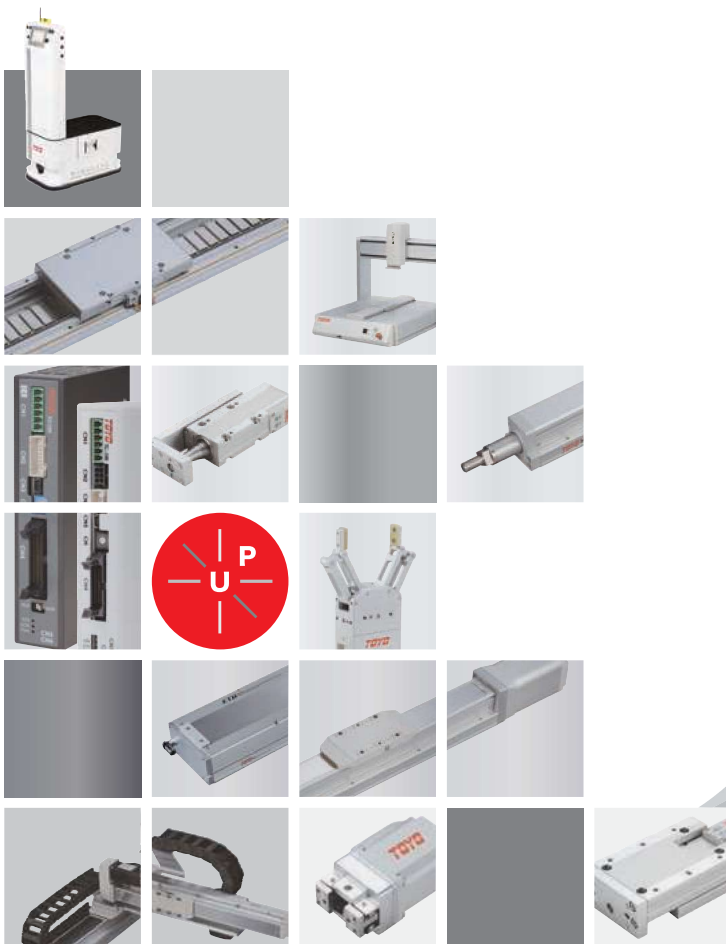
Toyo

Series	Size động cơ tham chiếu (mm)	Độ rộng ngang (mm)	Repeatability(mm)	Ball Screw C7			Maximum Payload(kg)		*1 Tốc độ tối đa (mm/s)	Hành trình tối đa (mm)
				Accuracy	Outer Diameter(mm)	Lead(mm)	Horizontal	Vertical		
CGTH3	25	30	±0.005	Rolled C7	10	2	13.0	5.0	100	300
						8	10.0	2.0	400	
CGTH4	35	44	±0.005		10	2	25.0	8.0	100	100
						6	20.0	8.0	300	
						12	12.0	3.5	600	
CGTH5	42	54	±0.005		12	2	30.0	10.0	100	1050
						5	30.0	10.0	250	
						10	15.0	5.0	500	
						20	10.0	2.5	1000	
	42	54	±0.003	Ground C5	2	2	30.0	10.0	100	300
						5	30.0	10.0	250	
						10	15.0	5.0	500	
						20	10.0	2.5	1000	

Series	Size động cơ tham chiếu (mm)	Độ rộng ngang (mm)	Repeatability(mm)	Ball Screw C7		Maximum Payload(kg)		*1 Tốc độ tối đa (mm/s)	Hành trình tối đa (mm)
				Outer Diameter(mm)	Lead(mm)	Horizontal	Vertical		
CGTY4	35	44	±0.01	10	2	25	8	110	500
					6	20	5	331	
					12	12	4	661	
CGTY5	42	54	±0.01	12	2	30	10	109	600
					5	30	0.0	273	
					10	15	5.0	538	
					20	10	2.5	1102	

*1 Tham khảo Catalog

9^{ISO}001 14^{ISO}001 18^{OHSAS}001



Electric Actuator

Product Catalog

Toyo Product Lineup



10 days
delivery time for
standard products

10 days delivery time for standard products. Please contact your local sales representative for products with special requirements.

24 Taiwan : 0800-800-893

24 China : 400-875-0009

Single-axis Linear Actuator (Without motor)

Compatible with motors manufactured by other brands

Built-in linear guide-ways: slider type

GTH
Ballscrew type

GTH3 GTH12
GTH4 GTH5S
GTH5 GTH8S
GTH8 GTH12S



Built-in linear guide-ways: rod type

GTY
Ballscrew type

GTY4
GTY5
GTY8
GTY12



standard slider type

ETH
Ballscrew type

ETH13 ETH22
ETH14 ETH17M
ETH17 ETH22M



IP66 waterproof type

GPH
Ballscrew type

GPH5
GPH8
GPH12



standard type

ETB
Belt Type

ETB5 ETB14M
ETB6 ETB17M
ETB10 ETB22M



European type

M
Belt Type

MH65 MK65
MH80 MK85
MK110



Clean-room type

ECH
Ballscrew type

ECH14 ECH17M
ECH17 ECH22M
ECH22



Clean-room type

ECB
Belt type

ECB5 ECB14
ECB6 ECB17
ECB10 ECB22



Built-in linear guide-ways clean-room: slider type

GCH
Ballscrew type

GCH4 GCH12
GCH5 GCH5S
GCH8 GCH8S



Built-in linear guide-ways clean-room: Rod type

GCT
Ballscrew type

GCT4
GCT5
GCT8
GCT12



Multi-axis Actuator (Without motor)

Compatible with motors manufactured by other brands

Mult Axis Ball screw Type

XYTH
Ballscrew type

XYTH650-A
XYTH760-A
XYTH870-A
XYTH876-A



Arm Type
A-Type

XYTH760-G
XYTH870-G
XYTH876-G



Gantry Type
G-Type

XYTH650-P
XYTH760-P
XYTH880-P
XYTH886-P



Polar Coordinate
Type P-Type

XYTH760-F



XY Type
F-Type

Mult Axis Belt Type

XYTB
Belt Type

XYTB650-A
XYTB760-A
XYTB870-A
XYTB876-A



Arm Type
A-Type

XYTB870-G
XYTB876-G



Gantry Type
G-Type

Built-in Linear Motion Guide

Mult Axis Type

XYGT
Ballscrew type

XYGT210-A
XYGT320-A
XYGT430-A
XYGT440-A
XYGT321-A
XYGT432-A



2 axis



3 axis

Arm Type
A-Type

Servo Cylinder

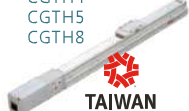
The best option for pneumatic cylinder replacement

Closed-loop stepping motor

Built-in Guideway Cylinder
-Slide Type

CGTH

CGTH4
CGTH5
CGTH8



TAIWAN

Built-in Guideway Cylinder
-Rod Type

CGTY

CGTY4
CGTY5
CGTY8



TAIWAN

Built-in Guideway Cylinder
-Cleanroom Type

CGCH

CGCH4
CGCH5



Class 10



Servo motor

Built-in Guideway Cylinder
-Slide Type

DGTH

DGTH4
DGTH5



Built-in Guideway Cylinder
-Rod Type

DGTY

DGTY4
DGTY5



Miniature Cylinder

CS

CSH20
CSF20
CSS20



high rigidity
miniature cylinder

CSG

CSG25



New
Released

Electric Gripper

CH

CHS2-S12
CHS2-S20
CHS2-S40
CHS2-S68
CHS2C (Clean room Type)
CHB6-S11
CHB6-S14
CHB6T-S14 (3 jaw centering)

CHZ20
CHZ25
CHG2
CHY2B-S80
CHY2B-S150



TAIWAN

Mini Cylinder

DM

DMG25
DMG40
DMH25
DMH40



Toyo Product Lineup

TOYOROBOT

Search

www.toyorobot.com

Free member registration

2D/3D images download

Real time model selection software

24

Taiwan : 0800-800-893

24

China : 400-875-0009

Linear Motor Robot

High speed, high acceleration/deceleration,twin load

Built-in linear guide-ways type linear motor robot

LGW

Clean Room Type

LGW17



New Released

Class 100

Built-in linear guide-ways type linear motor robot

LGF

Clean Room Type

LGF5
LGF15



TAIWAN

Class 100



With iron-core flat type linear motor robot

LTF2

Flat type Standard type

LTF2-15
LTF2-20
LTF2-30
LTF2-45
LTF2-75



New

With iron-core flat type linear motor robot

LNF2

Flat type Closed type

LNF2-15
LNF2-20
LNF2-30
LNF2-45
LNF2-75



New

Closed type with iron core flat type linear motor robot

LCF2

Flat type Clean Room Type

LCF2-15
LCF2-20
LCF2-30
LCF2-45
LCF2-75



Class 1

New

With iron-core flat type linear motor robot

LAF

aluminum body aluminum iron body iron

LAF7/LSF7
LAF15/LSF15
LAF20/LSF20
LAF30/LSF30



without iron core U type linear motor robot

LAU

U type

LAU3
LAU5



shaft type linear motor robot

LMR

Shaft Type

LMR20
LMR25
LMR32



Single Robot

3 highly reliable and trustworthy specifications

Built-in Linear Guide Robot-Rod Type

SGTY

Ballscrew type

SGTY5
SGTY8
SGTY12



New

Built-in Linear Guide Robot-Slide Type

SGTH

Ballscrew type

SGTH5
SGTH8
SGTH12



New

Rotary Cylinder

SNT

SNT85
SNT130
SNT200



Cartesian Coordinates Robot

U shaped, cantilever, polar coordinates, cross shaped and more

Ball-screw-driven Desktop Robot

JTHX

JTHX-200
JTHX-300
JTHX-400
JTHX-500
JTHX-500D

Ball-screw-driven Desktop Robot

JTHS

JTHS-300
JTHS-400
JTHS-500
JTHS-500D



Ball-screw-driven Desktop Robot

JTHC

JTHC-200
JTHC-300
JTHC-400
JTHC-500
JTHC-500D

Ball-screw-driven Desktop Robot

JTHD

JTHD-200
JTHD-300
JTHD-400
JTHD-500
JTHD-500D



Linear motor-driven Desktop Robot

JTL

JTL-500



Ball Screw-driven Cartesian Robot

XYCGT

stepping motor

XYCGT320
XYCGT321



Ball Screw-driven Cartesian Robot

XYSGT

servo motor

XYSGT430
XYSGT432



Robot specific controllers (1 ~ 4 axis)

High performance control system

Servo Motor Controller

TC/XC/LC

TC100
XC100
SC100



TAIWAN

TC100

XC100

LC100

4 axis Controller

TSC

TSC400



TSC400

Automatic Guided Vehicle

MES compatible to achieve industry 4.0

Basic Type AGV Unit

UWR20B



Standard Type AGV Unit

UWR30B



Basic Type AGV Unit

SWR



Standard Type AGV Unit

AWR11



Servo Controller

ABH3



Basic Type AGV Cart

Pickup-85D



Standard Platform AGV Cart

Pickup-E64



Lift Type AGV Cart

Carry-K65



Drive Kit

Automatic Guided Vehicle

01

Electric Actuator Series

Single-axis Linear Actuator

Without motor



Ball Screw Drive



Belt Drive



Clean Room



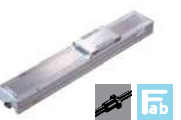
Built-in Guideway



Built-in Guideway Ball Screw Actuator	GTH Series	GTY Series	GCH Series	GCY Series
				
	Repeatability $\pm 0.005\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.01\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.005\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.01\text{mm}$
	110 kg	110 kg	50 kg	50 kg
	50~1250 mm	50~800 mm	50~1250 mm	50~800 mm

Max. Payload

Stroke Range

Ball Screw Standard Actuator	ETH Series	Y Series	ECH Series
			
	Repeatability $\pm 0.005\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.01\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.005\text{mm}$
	150 kg	110 kg	150 kg
	50~1500 mm	50~500 mm	50~1500 mm

Max. Payload

Stroke Range

Belt Drive Standard Actuator	ETB Series	M Series	ECB Series
			
	Repeatability $\pm 0.04\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.1\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.04\text{mm}$
	85 kg	200 kg	85 kg
	50~3500 mm	50~5000 mm	50~4050 mm

Max. Payload

Stroke Range

Multi-axis Linear Actuator

Without motor



Ball Screw Drive



Belt Drive



Clean Room



Built-in Guideway



Built-in Guideway Ball Screw Cartesian Robot	XYGT Series	
		
	Repeatability $\pm 0.005\text{mm}$	
	10 kg	Max. Payload
	1250×550×350 mm	Stroke Range

Ball Screw Cartesian Robot	XYTH Series	XYCH Series
		
	X、Y、Z axis Repeatability $\pm 0.01\text{ mm}$	
	22 kg	22 kg
	1500×1050×550 mm	1500×1050×550 mm

Max. Payload

Stroke Range

Combination	
	
Arm Type A-Type	Gantry Type G-Type
	
Polar coordinate Type P-Type	XY Type F-Type

Belt Type Cartesian Robot	XYTB Series	XYCB Series
		
	X、Y axis Repeatability $\pm 0.04\text{ mm}$	
	22 kg	22 kg
	1500×1050×550 mm	1500×1050×550 mm

Max. Payload

Stroke Range

Combination	
	
Arm Type A-Type	Gantry Type G-Type
	
Polar coordinate Type P-Type	XY Type F-Type

02

Servo Cylinder Series

Servo Cylinder

With motor & controller



Ball Screw Drive



Closed-Loop Stepping Motor



Clean Room



Built-in Guideway



Built-in Guideway Cylinder

CGTH Series



Repeatability $\pm 0.01\text{mm}$

30 kg

50~800 mm

CGTY Series



Repeatability $\pm 0.01\text{mm}$

30 kg

50~600 mm

CGCH Series



Repeatability $\pm 0.01\text{mm}$

30 kg

50~800 mm

Max. Payload

Stroke Range

Miniature Cylinder

CSF Series



Repeatability $\pm 0.02\text{ mm}$

6 kg

30/50 mm

CSH Series



Repeatability $\pm 0.02\text{ mm}$

6 kg

30/50 mm

CSS Series



Repeatability $\pm 0.02\text{ mm}$

6 kg

30/50 mm

CSG Series



Repeatability $\pm 0.02\text{ mm}$

6 kg

50/75/100 mm

Max. Payload

Stroke Range

Corresponding controller



TC100

NEW
EtherCAT



Closed-Loop Stepping Motor
25W/40W



Position Control
127 Points



Pulse Control
LD/OC



Communication Control
RS485



Input Voltage
DC24V

Servo Cylinder

With motor & controller



Ball Screw
Drive



Servo Motor



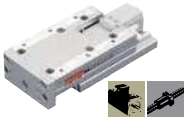
Clean Room



Built-in
Guideway



Built-in Guideway Cylinder	DGTH Series	DGTY Series	
			
	Repeatability $\pm 0.01\text{mm}$		
	25 kg	25 kg	Max. Payload
	50~800 mm	50~600 mm	Stroke Range

Mini Cylinder	DMG Series	DMH Series	
			
	Repeatability $\pm 0.02\text{ mm}$		
	15 kg	12 kg	Max. Payload
	50~100 mm	50~100 mm	Stroke Range

Corresponding controller



XC100

NEW
EtherCAT



Servo Motor
25W/40W



Position
Control
127 Points



Pulse
Control
LD/OC



Communication
Control
RS485



Input
Voltage
DC24V



LD/OC
separated
to reduce
noise

03

Linear Motor Robot Series

Linear Motor Robot

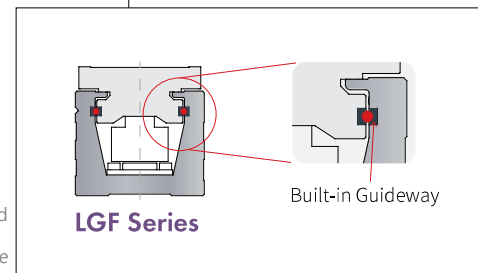
With motor & controller



Built-in Guideway Linear motor Robot

LGW Series	LGF Series
 Class 100	 Class 100
Repeatability $\pm 0.002\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.002\text{mm}$
20 kg	15 kg
240~2520 mm	160~1540 mm

Max. Payload
Stroke Range



Flat Type Linear Motor Robot

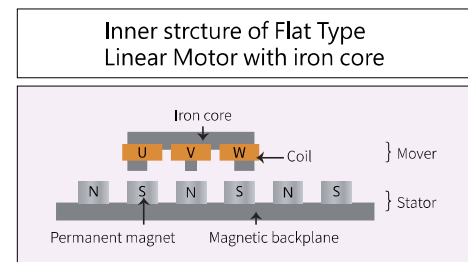
LTF2 Series	LNF2 Series	LCF2 Series
		 Class 1
Repeatability $\pm 0.002\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.002\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.002\text{mm}$
120 kg	120 kg	120 kg
202~4688 mm	202~3053 mm	202~3053 mm

Max. Payload
Stroke Range

Flat Type Linear Motor Robot

LAF Series	LSF Series
 Aluminum	 Iron
Repeatability $\pm 0.002\text{mm}$	
50 kg	50 kg
110~1600 mm	110~1600 mm

Max. Payload
Stroke Range



Linear Motor Robot

With motor & controller



U Type Linear Motor Robot

LAU Series



Repeatability ± 0.002 mm

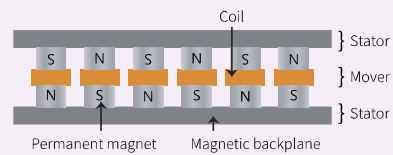
15 kg

Max. Payload

90~1290 mm

Stroke Range

Inner strcture of U Type Linear Motor without iron core



Shaft Type Linear Motor Robot

LMR Series



Repeatability ± 0.002 mm

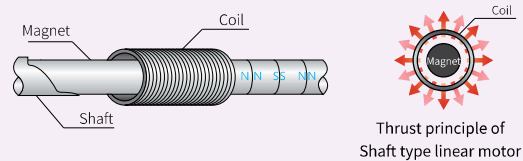
51 kg

Max. Payload

50~1940 mm

Stroke Range

Inner strcture of Shaft Type Linear Motor



04

Electric Gripper Series

Electric Gripper

With motor & controller

Closed-Loop Stepping Motor	Max.Stroke 68mm	Max.Speed 200mm/s	Max.Gripping Force 509N	Controller TC100



Shaft Type Electric Gripper

CHZ20	CHZ25
Repeatability $\pm 0.02\text{mm}$	
98 N	98 N
10 mm	14 mm

Max.Gripping Force
Max.Open-Close Stroke

Corresponding controller

TC100	

Came Type Electric Gripper

CHB6-S11	CHB6-S14	CHB6T-S14
Repeatability $\pm 0.02\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.02\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.02\text{mm}$
2.4 N	7 N	4 N
11 mm	14 mm	14 mm

Max.Gripping Force
Max.Open-Close Stroke

Ball Screw Electric Gripper

CHS2-S12	CHS2-S20	CHS2-S40	CHS2-S68	CHS2C-S20
Repeatability $\pm 0.01\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.01\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.01\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.01\text{mm}$	Repeatability $\pm 0.01\text{mm}$
22 N	124 N	258 N	509 N	124 N
12 mm	20 mm	40 mm	68 mm	20 mm

Max.Gripping Force
Max.Open-Close Stroke

Controller Built-in Electric Gripper

With motor & controller



Closed-Loop Stepping Motor



Max.Stroke 150mm



Max.Speed 200mm/s



Max.Gripping Force 120N



Built-in Controller



Controller Built-in Electric Gripper

CHG2



Repeatability $\pm 0.05\text{mm}$

15 N

Max.Gripping Force

30 mm

Max.Open-Close Stroke

Long Stroke Electric Gripper

CHY2B-S80



Repeatability $\pm 0.05\text{mm}$

90 N

Max.Gripping Force

80 mm

Max.Open-Close Stroke

CHY2B-S150



30 N

150 mm

Built-in Controller(CHY2)

- Gripper and controller integrated, one piece design.
- With optional fange, CHY/CHG2 gripper can connect robot end directly.
- Plug and play. Saving time and convenience.



Rotary Switch Settings



Closed-Loop Stepping Motor



Communication Control RS485



Input Voltage DC24V



TM Plug & Play Solution

05

Desktop robot series

Desktop Robots



ballscrew drive



linear motor drive



Max. stroke
500-500mm



Max. speed
1000mm/s



Z axis
payload



Built-in
controller
TSC400



repeatability
 ± 0.01



programs
512



10000
points

optional double X axis



Economical desktop robot

JTHC



JTHD



X · Y · Z axis Repeatability ± 0.01 mm

X:12 Z:6 kg

X:10 Z:5 kg

Max. Payload

X.Y:200/300/400/500 mm
Z:100 mm

X.Y:150/250/350/450 mm
Z:100 mm

Stroke Range

Standard desktop robot

JTHX



JTHS



X · Y · Z axis Repeatability ± 0.01 mm

X:10 Z:5 kg

X:15 Z:8 kg

Max. Payload

X.Y:150/250/350/450 mm
Z:100 mm

X.Y:300/400/500 mm
Z:100 mm

Stroke Range

High speed desktop robot

JTL



X · Y axis Repeatability ± 0.002 mm
Z axis Repeatability ± 0.005 mm

X:15 Z:8 kg

Max. Payload

X.Y:470 mm
Z:100 mm

Stroke Range

Applications

Soldering



Dispensing



Screw fastening



Desktop Robots



ballscrew
drive



Max. stroke
500-500mm



Max. speed
1000mm/s



Z axis
payload



built-in
controller
TSC400



repeatability
 ± 0.01



programs
512



10000
points



Ballscrew drive Cartesian
desktop robot

XYCGT



XYSGT



X · Y · Z axis Repeatability ± 0.01 mm

X:15 Y:15 kg

X:15 Z:15 kg

Max. Payload

X.Y:200/300/400/500 mm

X.Y:300/400/500 mm
Z:100/150 mm

Stroke Range

Applications

CCD Machine Vision Inspection



Pick-and-place for Small-sized
Workpieces



Dispensing for Small-sized
Workpieces



06

Automatic Guided Vehicles

AGV Drive Kit

With motor & controller



Drive Kit

UWR20B



UWR30B



DC24V

600 kg

900 kg

5~50 m/min

5~50 m/min

Battery Voltage

Max. Payload

Max.Speed

Drive Kit

SWR Series



AWRII Series



DC24V

DC24V/DC48V

700 kg

3800 kg

5~54 m/min

5~60 m/min

Battery Voltage

Max. Payload

Max.Speed

Controller



ABH3



+



+



Automated Guided Vehicle

With motor & controller



Pickup Cart	Pickup-B62	Pickup-B62	Pickup-85D	Pickup-85D	
					
	DC24V/26AH	DC24V/50AH	DC24V/50AH	DC24V/50AH	Battery Voltage
	500 kg	100 kg	150 kg	150 kg	Max. Payload
	5~30 m/min	5~50 m/min	5~50 m/min	5~50 m/min	Max.Speed

Pickup Cart	Pickup-F53	Pickup-F53J	Pickup-E64	
				
	DC24V/26AH	DC24V/50AH	DC24V/100AH	Battery Voltage
	500 kg	500 kg	500 kg	Max. Payload
	5~50 m/min	5~30 m/min	5~48 m/min	Max.Speed

Carry Cart	Carry-E64	Carry-F58	Carry-K65	
				
	DC24V/80AH	DC24V/50AH	DC24V/50AH	Battery Voltage
	1000 kg	500 kg	300 kg	Max. Payload
	10~30 m/min	10~60 m/min	10~30 m/min	Max.Speed

Minh Viet

